JOURNAL OF EDUCATION

JOURNAL OF EDUCATIONAL SCIENCE - MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

# TẠP CHÍ GIÁO DỤC

TẠP CHÍ LÍ LUẬN - KHOA HỌC GIÁO DỤC * BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tập 22, Số đặc biệt 1

Tháng 3/2022

ISSN 2354-0753

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TẠP CHÍ GIÁO DỤC
ISSN 2354-0753

# Mục lục

Tập 22 (số đặc biệt 1) - 3/2022

**Vũ Thị Minh Trang:** Các thành tố của quá trình giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động chắp ghép ở trường mầm non 1

**Đỗ Bảo Châu:** Khai thác trí tuệ nhân tạo trong dạy học ở trường phổ thông theo cách tiếp cận học tập thích ứng 6

**Nguyễn Thị Thu Hà - Vũ Thị Kim Nhung:** Tổ chức quá trình dạy học kết hợp (B-learning) theo hướng phát triển năng lực cho sinh viên bậc đại học 11

**Nguyễn Xuân Huy - Bùi Thị Thu Thủy - Nguyễn Thị Ngọc Lan - Nguyễn Thị Lan Hương:** Quy trình tự đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt của học sinh lớp 5 và biện pháp hỗ trợ từ phụ huynh 17

**Lê Thị Khánh Linh:** Ứng dụng lí thuyết ý niệm trong dạy học thành ngữ tiếng Việt liên quan đến phạm trù "nhà cửa" cho người nước ngoài 23

**Hoàng Lê Minh - Nguyễn Chiến Thắng:** Dạy học mô hình hóa toán học nhằm rèn luyện kĩ năng suy luận thống kê cho học sinh trung học phổ thông 29

**Trần Khánh Trinh:** Vận dụng mô hình giáo dục thông minh trong dạy học bài "Dao động điều hòa" (Vật lí 10) 34

**Lê Chí Nguyện:** Phát triển năng lực giải quyết vấn đề của học sinh trong dạy học chủ đề "Một số lực trong thực tiễn" - Vật lí 10 40

**Nguyễn Đức Thành - Nguyễn Tất Thắng:** Kiến thức về quan hệ nhân quả trong môn Sinh học bậc phổ thông 46

**Đỗ Thị Hà:** Áp dụng mô hình "Lớp học đảo ngược" vào dạy học chủ đề "Sự hình thành mây, mưa và vòng tuần hoàn của nước" (Khoa học 4) 51

**Trịnh Thu Huyền:** Sử dụng phần mềm Google Earth trong dạy học trực tuyến nội dung Địa lí các châu lục cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học 55

**Trần Văn Cát:** Đổi mới dạy học Địa lí địa phương ở trường trung học phổ thông thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 60

**Nguyễn Hồng Dương - Vũ Thị Thanh Hường - Nguyễn Thị Hương Giang:** Dạy học chủ đề STEM "Chế tạo hộp đựng bánh kẹo tết" môn Kĩ thuật lớp 5 nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh 65

**Lê Thị Kiều Nhi - Nguyễn Trương Trưởng - Nguyễn Thị Huyên:** Đề xuất quy trình tổ chức dạy học lập trình cơ bản cho học sinh trung học phổ thông thông qua lập trình Arduino 70

**Nguyễn Trương Trưởng - Lê Thị Kiều Nhi:** Giải pháp an toàn cho thi trắc nghiệm trên hệ thống quản lí học tập trực tuyến 77

**Nguyễn Thị Bảy - Nguyễn Thị Linh:** Bài học môn Âm nhạc về chủ đề "Mái trường thân yêu" nhằm phát triển năng lực âm nhạc cho học sinh lớp 1 84

**Lý Lương Sơn:** Nhận thức luận trong tác phẩm Nyàya-Bindu của luận sư Dharmakīrti (Pháp Xứng) 89

**Nguyễn Thị Thu Thủy:** Sử dụng khung MUF (Meaning-Use-Form) của Hội đồng Anh trong dạy ngữ pháp tiếng Anh cho học sinh tiểu học 94

**Nguyễn Thị Hiền:** Những yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ giáo viên mầm non trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay 99

**Phạm Thị Lệ Xuân:** Thực trạng tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi ở các trường mầm non Quận 10 tại Thành phố Hồ Chí Minh 104

**Lê Thuỷ Tiên:** Thực trạng sử dụng truyện tranh giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ 5-6 tuổi tại các trường mầm non thực hành trực thuộc Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương 110

**Nguyễn Thị Nhã Phương:** Giáo dục tính tự lập cho trẻ mẫu giáo thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề ở trường mầm non 116

**Nghiêm Thị Đương - Nguyễn Thị Thanh Thủy:** Thực trạng quản lí hoạt động đảm bảo an toàn cho trẻ em tại các trường mầm non ở thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu trường học an toàn 120

**Nguyễn Thị Thu Hà:** Phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non trong dạy học phần "Sinh lí trẻ em" ở Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An 126

**Nguyễn Thị Thu Tính - Phạm Thị Út:** Đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tự học cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Hải Phòng 132

**Nguyễn Thị Tình - Vũ Thị Dung:** Thực trạng quản lí hoạt động dạy học môn Tiếng Việt lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở các trường tiểu học huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái 136

**Lê Thị Thơm:** Thực trạng dạy học trải nghiệm môn Tiếng Việt ở tiểu học trên địa bàn thành phố Hà Nội 142

**Nguyễn Thanh Thùy - Lê Văn Thăng:** Một số biện pháp quản lí hoạt động đánh giá học sinh ở các trường tiểu học quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh 147

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TẠP CHÍ GIÁO DỤC
ISSN 2354-0753

# Mục lục

Tập 22 (số đặc biệt 1) - 3/2022

**Nguyễn Gia Linh:** Thực trạng quản lí hoạt động giáo dục hoà nhập cho học sinh tự kỉ ở các trường tiểu học thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương **153**

**Vương Quốc Anh - Phan Thị Bích Lợi - Nguyễn Thị Thanh:** Thực trạng sử dụng kính thực tế ảo trong dạy học ở một số trường trung học cơ sở **158**

**Nguyễn Thị Ngọc Bé - Đỗ Đình Thiên:** Thực trạng hoạt động giáo dục phòng, chống bạo lực học đường cho học sinh ở các trường trung học cơ sở thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai **164**

**Vi Văn Hương - Nguyễn Văn Minh:** Vận dụng mô hình "Phương thức của trí nhớ" trong việc giao bài tập tiếng Anh giao tiếp cho học sinh lớp 6 Trường Tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông Chu Văn An - Trường Đại học Tây Bắc **170**

**Nguyễn Thị Ngọc Bé - Nguyễn Xuân Phước Uyên:** Thực trạng hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường trung học phổ thông huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk **177**

**Nguyễn Thị Hương Thủy:** Thực trạng hoạt động giáo dục phòng chống ma túy tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương **183**

**Phạm Thị Hồng Vân:** Các yếu tố ảnh hưởng đến kĩ năng tự học môn Giáo dục chính trị của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I **188**

**Phan Thị Lan Hương:** Một số biện pháp nâng cao chất lượng dạy học đàn tranh cho sinh viên Trường Đại học FPT **194**

**Ngô Thị Kiều Hằng - Trần Thị Hương - Trần Công Mậu:** Thực trạng và một số biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Khoa Kĩ thuật - Công nghệ, Trường Đại học Hà Tĩnh **199**

**Nghiêm Xuân Dũng:** Thực trạng và một số định hướng nhằm nâng cao hiệu quả chuyển đổi số trong giáo dục đại học ở Việt Nam **206**

**Nguyễn Thị Quỳnh - Ngô Xuân Hiếu:** Biện pháp tổ chức thực tập nghề nghiệp cho sinh viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số **211**

**Hoàng Mạnh Khương:** Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học học phần "Quản lí hành chính nhà nước và Quản lí ngành Giáo dục - đào tạo" tại các khoa Sư phạm Trường Đại học Sài Gòn **216**

**Nguyễn Thị Thanh Hiền:** Thực trạng khó khăn tâm lí khi dạy học trực tuyến của giảng viên Trường Đại học Hùng Vương trong bối cảnh đại dịch Covid-19 **221**

**Nguyễn Thị Thu Thảo:** Ứng dụng mô hình Rasch và phần mềm Quest trong đánh giá chất lượng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm khách quan học phần "Mạng máy tính" ở Trường Đại học An Giang **227**

**Lưu Văn Tiến:** Thực trạng quản lí hoạt động bồi dưỡng nhân lực tại Học viện Viettel theo mô hình trường đại học trong doanh nghiệp **233**

**Lê Thanh Hải - Đinh Vũ Mai Anh - Lê Thị Quỳnh Mơ - Nguyễn Thị Phương Quỳnh:** Thực trạng sử dụng học liệu điện tử hỗ trợ sinh viên học tập học phần "Giáo dục học đại cương "trên một số nền tảng dạy học trực tuyến ở Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh **239**

**Lại Thế Luyện:** Xây dựng khung kĩ năng mềm cho sinh viên đại học khối ngành Kinh tế **245**

**Trần Văn Duân:** Phát triển đội ngũ giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh ở các trường đại học khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: thực trạng và giải pháp **251**

**Nguyễn Thanh Trang:** Giảng viên với việc xây dựng văn hóa cơ sở giáo dục đại học: thực tiễn và đề xuất **257**

**Nguyễn Thị Thùy:** Thực trạng và biện pháp quản lí hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên tại Trường Đại học Tân Trào **261**

**Phạm Thanh Tuấn - Phùng Đức Ngọc - Nguyễn Trọng Nghĩa:** Vai trò của giáo dục đạo đức truyền thống cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay **267**

**Đỗ Anh Dũng:** Thực trạng và giải pháp xây dựng, quản lí ngân hàng đề thi kết thúc học phần tại Học viện Cảnh sát nhân dân **272**



| TÊN ẤN PHẨM | ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC (từ năm 2021) | | |
|---|---|---|---|
| | Ngành Giáo dục học | Ngành Tâm lí học | Liên ngành Triết học, Xã hội học, Chính trị học |
| **Tạp chí Giáo dục** (ISSN: 2354-0753) Xuất bản 2 số/tháng vào các ngày 5 và 20 | 0-1,0 điểm | 0-1,0 điểm | 0-0,5 điểm |
| **Vietnam Journal of Education** (ISSN: 2588-1477) Xuất bản bằng tiếng Anh, 3 số thường niên (tháng 3, tháng 6, tháng 12) và các số đặc biệt (nếu có) | 0-1,0 điểm | 0-1,0 điểm | 0-0,5 điểm |

VJE Tạp chí Giáo dục (2022), 22(số đặc biệt 1), 164-169 ISSN: 2354-0753

# THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG CHO HỌC SINH Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

**Nguyễn Thị Ngọc Bé[1,+], Đỗ Đình Thiên[2]**

[1]Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế;
[2]Trường TH-THCS Anh hùng Wừu, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
*+ Tác giả liên hệ ● Email: ntngocbe@hueuni.edu.vn*

**Article history**
Received: 17/11/2021
Accepted: 19/12/2021
Published: 20/3/2022

**Keywords**
School violence, teachers, students, secondary schools

**ABSTRACT**
In recent years, school violence in secondary schools in Pleiku city has increased. The Education Department of Pleiku city has paid attention to school violence prevention and control for students with many forms and measures; however, this educational activity still has certain limitations. The article presents the survey results on the actual situation of school violence prevention and education activities for students in secondary schools in Pleiku city, Gia Lai province in terms of educational objectives, content, forms, methods, and the evaluation of educational outcomes. The survey results are the basis for proposing measures to improve the effectiveness of school violence prevention and control education activities for students in the coming time.

## 1. Mở đầu

Bạo lực học đường (BLHĐ) là hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập; xâm hại thân thể, sức khỏe; lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi và các hành vi cố ý khác gây tổn hại về thể chất, tinh thần của người học xảy ra trong cơ sở giáo dục (GD) hoặc lớp độc lập (Chính phủ, 2017). BLHĐ là thực trạng của nhiều quốc gia, kể cả với những nước có nền GD phát triển, làm tốt công tác tư vấn tâm lí học đường. Tổ chức Y tế thế giới đã khẳng định: "Không có quốc gia hay cộng đồng nào là không bị ảnh hưởng bởi bạo lực. Hình ảnh và lời kể về bạo lực trên khắp các phương tiện truyền thông; ở trên đường phố, trong nhà, trường học, nơi làm việc... Bạo lực là một tai họa toàn cầu xé toạc cấu trúc cộng đồng và đe dọa cuộc sống, sức khỏe và hạnh phúc của tất cả mọi người" (World Health Organization, 2002). Đây được coi một vấn nạn của ngành GD cũng như của xã hội hiện nay, thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học; trong đó, có thể kể đến các nghiên cứu của Trần Thị Minh Đức (2010) với hành vi gây hấn phân tích từ góc độ tâm lí học xã hội; Đặng Hoàng Minh và Trần Thành Nam (2011) phân tích con đường hình thành và cách tiếp cận đánh giá hành vi bạo lực ở thanh thiếu niên; Bùi Thị Hồng (2016) với nghiên cứu BLHĐ ở Việt Nam hiện nay qua thông tin từ các trang báo điện tử; Nguyễn Thị Mai Hương và Nguyễn Thu Hà (2019) nghiên cứu về mối quan hệ giữa các yếu tố môi trường xã hội với bạo lực học đường,...

Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống BLHĐ (Chính phủ, 2017); Bộ GD-ĐT đã đưa ra Chương trình hành động về phòng chống BLHĐ trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên giai đoạn 2017-2021 (Bộ GD-ĐT, 2017); Hướng dẫn thực hiện công tác tâm lí cho HS trong trường phổ thông (Bộ GD-ĐT, 2017); Hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng chống BLHĐ (Bộ GD-ĐT, 2018); Tăng cường giải pháp phòng chống BLHĐ trong cơ sở giáo dục (Bộ GD-ĐT, 2019). Điều đó cho thấy mức độ quan trọng và cấp thiết của vấn đề.

Trong những năm qua ở các trường THCS trên địa bàn TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai tình trạng BLHĐ có chiều hướng gia tăng. Mặc dù ngành GD TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai đã quan tâm đến công tác GD phòng, chống BLHĐ cho HS với nhiều hình thức, biện pháp khác nhau và cũng đã đạt được những kết quả bước đầu Bài báo trình bày kết quả khảo sát thực trạng hoạt động GD phòng, chống BLHĐ cho HS ở các trường THCSTP. Pleiku, tỉnh Gia Lai qua việc thực hiện mục tiêu, nội dung, hình thức phương pháp GD phòng, chống BLHĐ cho HS và đánh giá kết quả hoạt động này. Kết quả khảo sát là cơ sở để đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả trong hoạt động GD phòng, chống BLHĐ cho HS trong thời gian tới.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### *2.1. Khái quát chung về khảo sát*

*Khách thể khảo sát:* 285 cán bộ quản lí (CBQL), giáo viên (GV) và 395 HS ở 7 trường THCS trên địa bàn TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai (Trường TH-THCS Anh hùng Wừu; Trường TH - THCS Anh hùng Đôn; Trường TH - THCS

Bùi Thị Xuân; Trường THCS Nguyễn Huệ; Trường THCS Nguyễn Du; Trường THCS Nguyễn Văn Cừ; Trường THCS Trần Phú).

*Thời gian khảo sát:* từ tháng 3-5 năm 2021.

*Phương pháp khảo sát:* phương pháp chính là điều tra bằng bảng hỏi. Bảng hỏi được thiết kế theo thang Likert 5 bậc, tương ứng với 5 mức độ, từ 1 đến 5, cụ thể ở mức độ thực hiện: 1= Không thực hiện; 2 = Hiếm khi; 3 = Thỉnh thoảng; 4 = Khá thường xuyên; 5 = Rất thường xuyên; Đối với kết quả thực hiện: 1 = Kém; 2 = Yếu; 3 = Trung bình; 4 = Khá; 5 = Tốt. Mức đánh giá theo khoảng điểm: 1,00-1,80: không thực hiện/kém; 1,81 - 2,60: hiếm khi/yếu; 2,61 - 3,40: Thỉnh thoảng/Trung bình; 3,41 - 4,20: Khá thường xuyên/Khá; 4,21 - 5,00: Rất thường xuyên/Tốt.

Dữ liệu thu thập được sử dụng để tính tỉ lệ %, điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC). Số liệu khảo sát được xử lí bằng phần mềm SPSS 24.

***2.2. Kết quả khảo sát thực trạng hoạt động giáo dục phòng, chống bạo lực học đường cho học sinh ở các trường trung học cơ sở thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai***

*2.2.1. Thực trạng thực hiện mục tiêu hoạt động giáo dục phòng, chống bạo lực học đường cho học sinh*

Để đánh giá thực trạng thực hiện mục tiêu hoạt động GD phòng, chống BLHĐ cho HS, chúng tôi khảo sát trên 11 mục tiêu. Kết quả khảo sát cho thấy:

*Về mức độ thực hiện,* HS đánh giá "Thể hiện được sự đồng tình với những hành vi đúng đắn, tích cực, kiên quyết phản đối những hành vi sai trái, tiêu cực trong trường học cũng như trong xã hội" có ĐTB cao nhất là 3,60. Về mức độ thực hiện "Có ý thức tự giác điều chỉnh hành vi, hình thành nhận thức, thái độ hợp chuẩn; Biết tự chịu trách nhiệm với những hành vi của bản thân trong giao tiếp ở nhà trường, xã hội" có ĐTB thấp nhất là 3,21; CBQL và GV đánh giá mức độ thực hiện "thực hiện được các thao tác, hành động chuẩn mực và những hành vi tích cực trong cuộc sống,…" có ĐTB cao nhất là 3,81. Còn mức độ thực hiện "Thực hiện được cách giải quyết phù hợp khi gặp các hành vi BLHĐ; ngăn chặn kịp thời khi thấy các biểu hiện bắt nạt, giải quyết được tình huống mâu thuẫn các mối quan hệ trong trường, lớp và xã hội" có ĐTB thấp nhất là 3,62.

*Về kết quả thực hiện:* HS đánh giá "Thể hiện được thái độ đúng đắn trước, trong và sau khi BLHĐ xảy ra đối với người gây ra và với nạn nhân của BLHĐ" có ĐTB cao nhất là 3,64. Về mức độ thực hiện "Tự nhận xét được hành vi của bản thân và nhận xét, đánh giá đúng đắn những hành vi của người khác" có ĐTB thấp nhất là 3,04; CBQL đánh giá "Thực hiện được các thao tác, hành động chuẩn mực và những hành vi tích cực trong cuộc sống, …" có ĐTB cao nhất là 3,88. CBQL đánh giá "Thực hiện được cách giải quyết phù hợp khi gặp các hành vi BLHĐ; ngăn chặn kịp thời khi thấy các biểu hiện bắt nạt, giải quyết được tình huống mâu thuẫn các mối quan hệ trong trường, lớp và xã hội" có ĐTB thấp nhất là 3,62. Kết quả đạt được ở mục tiêu này thấp có thể do khi xảy ra BLHĐ các em HS khó có thể giữ được bình tĩnh để giải quyết vấn đề một cách hiệu quả, thường là để lại những hậu quả không mong muốn cho gia đình, nhà trường và xã hội.

Về phía HS, các em cho rằng ý thức tự giác điều chỉnh hành vi, hình thành nhận thức, thái độ hợp chuẩn, biết tự chịu trách nhiệm với những hành vi của bản thân là khó thực hiện; vì thế, CBQL và GV cần phải tăng cường hoạt động nhận thức tự ý thức, tự chịu trách nhiệm về phòng, chống BLHĐ cho các em, giúp các em biết điều chỉnh hành vi và thái độ của mình trước những tình huống BLHĐ có thể xảy ra.

*2.2.2. Thực trạng thực hiện nội dung hoạt động giáo dục phòng, chống bạo lực học đường cho học sinh*

*Bảng 1. Đánh giá về thực trạng thực hiện nội dung hoạt động GD phòng, chống BLHĐ cho HS*

| **Nội dung hoạt động GD phòng, chống BLHĐ cho HS** | **Đánh giá của HS** | | | | **Đánh giá của CBQL, GV** | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Mức độ thực hiện** | | **Kết quả thực hiện** | | **Mức độ thực hiện** | | **Kết quả thực hiện** | |
| | **ĐTB** | **ĐLC** | **ĐTB** | **ĐLC** | **ĐTB** | **ĐLC** | **ĐTB** | **ĐLC** |
| 1. Nhận diện được các biểu hiện và nguyên nhân của hành vi BLHĐ. | 2,78 | 1,25 | 3,29 | 1,34 | 3,56 | 0,88 | 3,86 | 0,97 |
| 2. Chuẩn bị cho HS sự sẵn sàng về tâm lí đấu tranh chống lại bạo lực và các biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn. | 3,20 | 1,37 | 3,80 | 1,29 | 3,85 | 0,87 | 3,78 | 0,95 |
| 3. Nâng cao nhận thức cho HS về nguy cơ và hậu quả của BLHĐ. | 3,48 | 1,14 | 3,74 | 1,19 | 3,87 | 0,89 | 3,86 | 0,93 |
| 4. GD ý thức chấp hành nội quy trường, lớp. | 3,67 | 1,26 | 3,81 | 1,21 | 3,93 | 0,90 | 3,87 | 0,96 |
| 5. GD ý thức chấp hành pháp luật. | 3,55 | 1,18 | 3,87 | 1,17 | 3,83 | 0,91 | 3,80 | 1,00 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6. Đấu tranh với các biểu hiện có hành vi bạo lực trong và ngoài nhà trường. | 3,22 | 1,34 | 3,27 | 1,40 | 3,82 | 0,93 | 3,98 | 0,90 |
| 7. GD ý thức và hành vi không mang hung khí, đồ chơi có tính kích động bạo lực, các chất gây nghiện đến trường, lớp. | 3,05 | 1,30 | 3,51 | 1,35 | 3,75 | 0,85 | 3,80 | 0,86 |
| 8. GD kĩ năng giải quyết mâu thuẫn giữa các HS | 3,27 | 1,35 | 3,59 | 1,30 | 3,62 | 0,96 | 3,90 | 0,91 |
| 9. Xây dựng trường học thân thiện, HS tương thân tương ái. | 3,81 | 1,27 | 3,54 | 1,34 | 3,81 | 0,90 | 3,77 | 0,96 |

Kết quả khảo sát ở bảng 1 cho thấy, nội dung 3, 4, 5 và nội dung 9 được HS đánh giá là thực hiện khá thường xuyên. Trong đó, "Xây dựng trường học thân thiện, HS tương thân tương ái" có mức độ thực hiện cao nhất với ĐTB là 3,81; tiếp đến là "GD ý thức chấp hành nội quy trường, lớp" với ĐTB là 3,67. Ngược lại, các nội dung 1, 2, 6, 7, 8 có mức độ thực hiện thỉnh thoảng, trong đó "Nhận diện được các biểu hiện và nguyên nhân của hành vi BLHĐ" có mức độ thực hiện thấp nhất với ĐTB là 2,78. Về kết quả thực hiện: hầu hết HS cho rằng các nội dung GD GD phòng, chống BLHĐ cho HS có kết quả thực hiện ở mức độ khá, ngoại trừ nội dung 1 và nội dung 3 được HS đánh giá ở mức độ trung bình.

Về ý kiến đánh giá của CBQL và GV: Hầu hết các CBQL và GV cho rằng các nội dung GD được thực hiện ở mức độ khá thường xuyên và kết quả đạt được ở mức khá. Trong đó, nội dung "GD ý thức chấp hành nội quy trường, lớp" là nội dung được đánh giá có mức độ thực hiện khá thường xuyên nhất với ĐTB là 3,93; tiếp đến là nội dung "Nâng cao nhận thức cho HS về nguy cơ và hậu quả của BLHĐ" với ĐTB là 3,87. Thấp nhất là nội dung "Nhận diện được các biểu hiện và nguyên nhân của hành vi BLHĐ". Như vậy, HS có cùng quan điểm với CBQL và GV khi cho rằng nội dung 1 có mức độ thực hiện thấp nhất. Về kết quả thực hiện, các nội dung GD được đánh giá kết quả đạt được ở mức khá, trong đó "Đấu tranh với các biểu hiện có hành vi bạo lực trong và ngoài nhà trường" có ĐTB cao nhất (3,98). Ngược lại "Xây dựng trường học thân thiện, HS tương thân tương ái" được CBQL, GV cho rằng kết quả thực hiện thấp nhất với ĐTB là 3,77.

Như vậy, các trường THCS TP. Pleiku đã thực hiện các nội dung GD phòng, chống BLHĐ cho HS nhưng việc thực hiện chỉ tập trung ở một số nội dung, do đó chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu, đòi hỏi về nhận thức, về thông tin phòng, chống BLHĐ mà HS mong muốn. Để tổ chức tốt việc GD phòng, chống BLHĐ cho HS, nhà trường cần mở rộng, kết hợp các nội dung khác nhau với các hình thức và phương pháp tổ chức phong phú và đa dạng, như vậy sẽ có tác động tích cực đến nhận thức và hành vi của HS, từ đó sẽ hạn chế, bài trừ bạo lực ra khỏi học đường.

*2.2.3. Thực trạng thực hiện hình thức giáo dục phòng, chống bạo lực học đường cho học sinh*

*Bảng 2. Đánh giá về thực trạng thực hiện hình thức GD phòng, chống BLHĐ cho HS*

| **Hình thức GD phòng, chống BLHĐ cho HS** | **Đánh giá của HS** | | | | **Đánh giá của CBQL, GV** | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Mức độ thực hiện** | | **Kết quả thực hiện** | | **Mức độ thực hiện** | | **Kết quả thực hiện** | |
| | **ĐTB** | **ĐLC** | **ĐTB** | **ĐLC** | **ĐTB** | **ĐLC** | **ĐTB** | **ĐLC** |
| 1. GD phòng, chống BLHĐ thông qua dạy học tích hợp trong các môn học và hoạt động GD. | 3,12 | 1,36 | 3,27 | 1,18 | 3,74 | 0,94 | 3,84 | 0,86 |
| 2. GD phòng, chống BLHĐ các hoạt động ngoại khóa (sinh hoạt câu lạc bộ, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, tư vấn pháp luật...). | 3,52 | 1,23 | 3,70 | 1,25 | 3,76 | 0,92 | 3,81 | 0,98 |
| 3. GD phòng, chống BLHĐ thông qua các buổi sinh hoạt lớp, sinh hoạt chi đoàn. | 3,42 | 1,21 | 3,32 | 1,32 | 3,78 | 0,87 | 3,84 | 0,94 |
| 4. GD phòng, chống BLHĐ lồng ghép vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, … | 3,17 | 1,20 | 3,42 | 1,26 | 3,76 | 0,83 | 3,74 | 0,90 |
| 5. GD phòng, chống BLHĐ thông qua các buổi tư vấn, học tập chuyên đề. | 3,35 | 1,10 | 3,59 | 1,25 | 3,62 | 0,81 | 3,62 | 0,90 |
| 6. GD phòng, chống BLHĐ qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. | 3,49 | 1,25 | 3,64 | 1,18 | 3,67 | 0,98 | 3,73 | 0,99 |
| 7. GD phòng, chống BLHĐ thông qua hoạt động phối hợp giữa nhà trường với các lực lượng xã hội, đặc biệt là gia đình. | 3,62 | 1,23 | 3,25 | 1,25 | 3,73 | 0,88 | 3,75 | 0,98 |
| 8. GD phòng, chống BLHĐ thông qua các phương tiện thông tin và truyền thông: loa phát thanh, các trang web | 3,20 | 1,20 | 3,09 | 1,21 | 3,61 | 0,89 | 3,72 | 0,87 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| của nhà trường, ... | | | | | | | | |
| 9. Thông qua tấm gương đạo đức của chính thầy cô giáo | 3,48 | 1,16 | 3,56 | 1,25 | 3,84 | 0,88 | 3,88 | 0,91 |
| 10. Thông qua hình thức tự GD của HS. | 3,23 | 1,24 | 3,52 | 1,13 | 3,75 | 0,88 | 3,67 | 0,82 |

Hình thức tổ hoạt động GD phòng, chống BLHĐ ở các trường THCS TP. Pleiku khá đa dạng như thông qua dạy học tích hợp trong các môn học, ngoại khóa (sinh hoạt câu lạc bộ, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, tư vấn pháp luật,...), qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, lồng ghép vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, thông qua hoạt động phối hợp giữa nhà trường với các lực lượng xã hội, đặc biệt là gia đình. Tuy nhiên, mức độ thực hiện và kết quả thực hiện ở mỗi hình thức là khác nhau. Dữ liệu khảo sát ở bảng 2 cho thấy, theo đánh giá của HS: mức độ thực hiện khá thường xuyên ở hình thức 2, 4, 7, 8 và 10. Trong đó, hình thức GD phòng, chống BLHĐ "GD phòng, chống BLHĐ thông qua hoạt động phối hợp giữa nhà trường với các lực lượng xã hội, đặc biệt là gia đình" mức độ thực hiện thường xuyên nhất với ĐTB là 3,62; các hình thức còn lại ở mức thỉnh thoảng thực hiện; "GD phòng, chống BLHĐ thông qua dạy học tích hợp trong các môn học và hoạt động GD" có mức độ thực hiện thấp nhất với ĐTB là 3,12.

Về kết quả thực hiện hình thức GD phòng, chống BLHĐ, theo ý kiến đánh giá của HS, các hình thức 2, 5, 6, 7, 10 và 11 được HS đánh giá kết quả thực hiện ở mức độ khá. Trong đó, "GD phòng, chống BLHĐ các hoạt động ngoại khóa (sinh hoạt câu lạc bộ, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, tư vấn pháp luật...)" có kết quả thực hiện cao nhất với ĐTB là 3,70. Các hình thức còn lại ở mức độ trung bình, trong đó hình thức nội dung 9 được HS đánh giá có kết quả thực hiện thấp nhất với ĐTB là 3,09.

CBQL và GV cho rằng hình thức GD phòng, chống BLHĐ "Thông qua tấm gương đạo đức của chính thầy cô giáo" có mức độ thực hiện thường xuyên nhất với ĐTB 3,84. Như vậy, CBQL và GV đã ý thức rằng muốn các em phòng, chống được BLHĐ thì bản thân mình phải là tấm gương sáng cho HS học tập để luôn thể hiện sự gương mẫu của mình trước HS. Tiếp đến là "GD phòng, chống BLHĐ thông qua sinh hoạt lớp, sinh hoạt chi đoàn" hay "GD phòng, chống BLHĐ lồng ghép vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, …" có ĐTB lần lượt là 3,78 và 3,76. CBQL và GV cho rằng, chỉ có GD thiết thực thông qua các hoạt động thì hiệu quả phòng, chống BLHĐ mới dễ hiểu có tác động tích cực đến các em.

Về kết quả thực hiện, CBQL và GV cho rằng hình thức "Thông qua tấm gương đạo đức của chính thầy cô giáo" có kết quả cao nhất với ĐTB là 3,88. Việc thông qua những tấm gương của GV để hình thành hành vi chuẩn mực cho HS, thái độ sống tích cực cho các em là hết sức cần thiết. GV N.T.N Trường THCS Nguyễn Văn Cừ cho biết: "*Mặc dù từng tập thể lớp kí cam kết nói không với BLHĐ, tuy nhiên BLHĐ vẫn diễn ra*". Trò chuyện với HS khối 9 trường THCS Nguyễn Du, các em cho biết: *Một số bạn bị bạn bè gọi bằng biệt hiệu xấu/bị đưa ra làm trò đùa, chế giễu trước mọi người, có bạn có chủ ý loại em ra khỏi nhiều việc, tẩy chay em khỏi nhóm bạn, hoàn toàn bỏ lơ em, một số bạn từng cố ý làm hỏng sách vở, đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân của em...* Những hành vi BLHĐ này HS thường không chia sẻ để nhận được sự giúp đỡ từ GV do tâm lí lo sợ, e ngại của các em. CBQL cũng đã quan tâm chỉ đạo phối hợp với công an xã/phường, Ban Đại diện cha mẹ HS tổ chức tuyên truyền đến cán bộ, GV, nhân viên, về các nội dung liên quan đến BLHĐ.

*2.2.4. Thực trạng thực hiện phương pháp giáo dục phòng, chống bạo lực học đường cho học sinh*

*Bảng 3. Đánh giá về thực trạng thực hiện phương pháp GD phòng, chống BLHĐ cho HS*

| **Phương pháp GD phòng, chống BLHĐ cho HS** | **Đánh giá của HS** | | | | **Đánh giá của CBQL, GV** | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Mức độ thực hiện** | | **Kết quả thực hiện** | | **Mức độ thực hiện** | | **Kết quả thực hiện** | |
| | **ĐTB** | **ĐLC** | **ĐTB** | **ĐLC** | **ĐTB** | **ĐLC** | **ĐTB** | **ĐLC** |
| 1. Giảng giải cho HS nhận thức những hành vi xử sự đúng sai khi xảy ra va chạm, mâu thuẫn. | 3,16 | 1,39 | 3,37 | 1,30 | 3,73 | 0,92 | 3,88 | 0,97 |
| 2. Đàm thoại trực tiếp giữa GV và HS, giữa HS với HS. | 3,50 | 1,29 | 3,70 | 1,24 | 3,75 | 0,98 | 3,89 | 0,95 |
| 3. Kể những tấm gương tốt về hành vi phòng, chống BLHĐ. | 3,46 | 1,31 | 3,43 | 1,26 | 3,68 | 1,02 | 3,79 | 0,94 |
| 4. Phương pháp đóng vai giải quyết tình huống mâu thuẫn. | 3,68 | 1,13 | 3,53 | 1,13 | 3,69 | 0,94 | 3,73 | 0,92 |
| 5. Cho HS sưu tầm và kể một số tình huống mâu thuẫn trong cuộc sống, để các em tự rút ra bài học cho mình. | 3,33 | 1,13 | 3,55 | 1,30 | 3,56 | 0,90 | 3,63 | 0,95 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6. Sân khấu hóa tuyên truyền về hành vi BLHĐ. | 3,56 | 1,22 | 3,36 | 1,26 | 3,51 | 1,07 | 3,67 | 0,97 |
| 7. Khen thưởng, biểu dương những tập thể và cá nhân làm tốt việc phòng, chống BLHĐ. | 3,60 | 1,15 | 3,56 | 1,24 | 3,79 | 0,84 | 3,80 | 0,93 |
| 8. Phương pháp kỉ luật, trách phạt. | 3,54 | 1,38 | 3,55 | 1,27 | 3,71 | 0,98 | 3,78 | 0,94 |

Kết quả khảo sát ở bảng 3 cho thấy, theo đánh giá của HS, "Phương pháp đóng vai giải quyết tình huống mâu thuẫn" được thực hiện nhiều nhất với ĐTB là 3,62; Tiếp đến là phương pháp "Khen thưởng, biểu dương những tập thể và cá nhân làm tốt việc phòng, chống BLHĐ" với ĐTB là 3,60; xếp thứ 3 là phương pháp "Sân khấu hóa tuyên truyền về hành vi BLHĐ" với ĐTB là 3,56. Nguyên nhân do phương thức tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa phù hợp giúp HS có được những hoạt động trải nghiệm đóng vai giải quyết tình huống mâu thuẫn, từ đó HS sẽ hiểu sâu hơn các bài học về giá trị của lòng nhân ái, bao dung, giá trị của sự tôn trọng và trách nhiệm của bản thân, nhận diện và lên án các hành vi bạo lực,... Phương pháp có ĐTB thấp nhất là "Giảng giải cho HS nhận thức những hành vi xử sự đúng - sai khi xảy ra va chạm, mâu thuẫn" (ĐTB =3,16), điều này có thể do việc phương pháp giảng giải là trừu tượng, khó hình dung. Về kết quả thực hiện, hầu hết các phương pháp GD có kết quả khá, ngoại trừ phương pháp "Giảng giải cho HS nhận thức những hành vi xử sự đúng sai khi xảy ra va chạm, mâu thuẫn" được HS đánh giá kết quả ở mức trung bình. Trò chuyện với HS N.T.B - Trường THCS Nguyễn Văn Cừ, em cho biết: "*Các thầy cô đã sử dụng phương pháp đóng vai giải quyết tình huống mâu thuẫn để giúp chúng em tránh được sự vô cảm, kẻ xấu, trò chơi điện tử, chất kích thích, bạo lực,...*"

Đối với ý kiến đánh giá của CBQL và GV: các phương pháp được nêu ở bảng 3 đều được CBQL và GV đánh giá mức độ thực hiện khá thường xuyên. Trong đó, phương pháp "Khen thưởng, biểu dương những tập thể và cá nhân làm tốt việc phòng, chống BLHĐ" được thực hiện thường xuyên nhất với ĐTB là 3,79. Tiếp đến là phương pháp "Đàm thoại trực tiếp giữa GV và HS, giữa HS với HS" được đánh có mức độ thực hiện cao thứ hai với ĐTB là 3,75; phương pháp "Giảng giải cho HS nhận thức những hành vi xử sự đúng sai khi xảy ra va chạm, mâu thuẫn" có mức độ thực hiện cao thứ ba với ĐTB là 3,73. GV N.T.K.L., Trường TH&THCS Anh hùng Wừu cho biết: *thầy cô có lắng nghe, chia sẻ và sẵn sàng hỗ trợ HS giải quyết những khó khăn ở trường học, khi gặp khó khăn HS có chia sẻ với thầy cô giáo để thầy cô khích lệ, động viên HS, từ đó HS có hành động tích cực phòng tránh BLHĐ, nâng cao nhận thức về hậu quả mà BLHĐ*. CBQL N.A.M Trường THCS Nguyễn Du cho biết: *Chúng tôi sử dụng phương pháp này dựa trên nguyên tắc tôn trọng, vì sự tiến bộ của HS, lấy vận động, thuyết phục là chính, đặc biệt không làm tổn hại đến danh dự, tinh thần, sức khoẻ của HS và phù hợp với đặc điểm tâm - sinh lí HS THCS*. CBQL, GV cũng đánh giá cao việc phối hợp sử dụng các phương pháp như đàm thoại, giảng giải, .. để GD phòng tránh BLHĐ cho HS. Điểm trung bình thấp nhất là "Sân khấu hóa tuyên truyền về hành vi BLHĐ" (ĐTB là 3,51). Như vậy CBQL và GV cho rằng việc sân khấu hóa tuyên truyền về hành vi BLHĐ là khó thực hiện đối với HS.

Về kết quả thực hiện, CBQL và GV đều cho rằng các phương pháp GD phòng, chống BLHĐ cho HS được nêu ở trên đều có kết quả thực hiện ở mức khá. Trong đó, phương pháp "Đàm thoại trực tiếp giữa GV và HS, giữa HS với HS" có kết quả thực hiện cao nhất với ĐTB = 3,89; Tiếp đến là phương pháp "Giảng giải cho HS nhận thức những hành vi xử sự đúng sai khi xảy ra va chạm, mâu thuẫn" với ĐTB là 3,88. Phương pháp có kết quả thấp nhất là nội dung 5 với ĐTB là 3,63.

Nhìn một cách tổng quát, có thể thấy đánh giá của CBQL, GV ở tất cả các nội dung bảng 1, 2, 3 đều có ĐTB cao hơn của HS, cho thấy sự kì vọng của các em về hiệu quả GD phòng, chống BLHĐ cho HS của nhà trường là rất lớn, vì vậy sự đánh giá của các em thấp hơn của CBQL và GV. Vì vậy, CBQL và GV - các chủ thể quản lí, thực hiện GD phòng, chống BLHĐ cho HS cần nhận thức rõ hơn trách nhiệm của mình đối với HS, biết lắng nghe, chia sẻ và sẵn sàng hỗ trợ HS giải quyết những khó khăn ở trường học.

*2.2.5. Thực trạng đánh giá kết quả hoạt động giáo dục phòng, chống bạo lực học đường cho học sinh*

Để giá đánh giá kết quả hoạt động GD phòng, chống BLHĐ cho HS, chúng tôi khảo sát trên các khía cạnh sau: về nội dung đánh giá gồm có: Đánh giá quá trình tham gia hoạt động GD phòng, chống BLHĐ và đánh giá mức độ đạt được về phẩm chất, năng lực của HS sau khi tham gia hoạt động GD phòng, chống BLHĐ. Về phương pháp đánh giá gồm có: Phương pháp quan sát, trắc nghiệm, khảo sát phản hồi của HS, đánh giá phân tích sản phẩm của HS, đánh giá hồ sơ tham gia hoạt động của HS và hội ý giữa các bên có liên quan. Kết quả khảo sát cho thấy:

- *Về mức độ thực hiện,* HS đánh giá "Phương pháp trắc nghiệm" là phương pháp đánh giá có mức độ thực hiện cao nhất với ĐTB là 3,64, còn nội dung đánh giá mức độ thực hiện thấp nhất là "Đánh giá mức độ đạt được về phẩm chất, năng lực của HS sau khi tham gia hoạt động GD phòng, chống BLHĐ" với ĐTB là 3,21; CBQL và GV đánh

giá "Phương pháp khảo sát phản hồi của học sinh" có mức độ thực hiện cao nhất với ĐTB là 3,75. Còn phương pháp *đánh giá có mức độ thực hiện thấp nhất là "Phương pháp hội ý giữa các bên có liên quan" với ĐTB là 3,49.*

- *Về kết quả thực hiện,* HS đánh giá "Phương pháp đánh giá phân tích sản phẩm của HS" có ĐTB cao nhất là 3,73, ngược lại "Phương pháp hội ý giữa các bên có liên quan" được HS đánh giá có kết quả thực hiện thấp nhất (ĐTB = 3,34); CBQL và GV đánh giá "Phương pháp đánh giá phân tích sản phẩm của HS" có mức độ thực hiện cao nhất với ĐTB là 3,88 và ngược lại, "Đánh giá quá trình tham gia hoạt động GD phòng, chống BLHĐ" được CBQL và GV đánh giá kết quả thực hiện thấp nhất (ĐTB = 3,61).

Qua khảo sát, chúng tôi thấy rằng việc đánh giá mức độ đạt được về phẩm chất, năng lực của HS sau khi tham gia hoạt động GD phòng, chống BLHĐ chưa được CBQL và GV chú trọng. Mức độ đạt được về phẩm chất, năng lực của HS là chính tiêu chí quan trọng để đánh giá hiệu quả việc tổ chức hoạt động GD phòng, chống BLHĐ, giúp CBQL và GV có những điều chỉnh phù hợp về nội dung, hình thức và phương pháp thực hiện; bên cạnh đó giúp HS đánh giá khách quan về kết quả bản thân đạt được , tạo động lực cho các em tích cực tham gia hoạt động phòng, chống BLHĐ. Chính vì vậy, CBQL và GV cần chú trọng đến các nội dung và phương pháp đánh giá phù hợp, điều này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động GD phòng, chống BLHĐ ở trường THCS.

## 3. Kết luận

Kết quả khảo sát thực trạng tổ chức hoạt động GDPL ở các trường THCS TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai cho thấy, các trường đã tổ chức hoạt động GD phòng, chống BLHĐ với nhiều nội dung khác nhau, được thực hiện thông qua các hình thức và phương pháp đa dạng, có nhiều lực lượng tham gia vào công tác GD phòng, chống BLHĐ cho HS. Việc thực hiện hoạt động GD cũng đạt được những kết quả nhất định. Hoạt động GD phòng, chống BLHĐ mặc dù đã được chú trọng trong các trường THCS nhưng vẫn tồn tại nhiều hạn chế. CBQL và GV và HS các trường THCS tuy có nhận thức được tầm quan trọng của việc phòng, chống BLHĐ nhưng chưa thực sự sâu sắc. Nhiều GV chỉ truyền thụ kiến thức cơ bản trong nội dung bài học mà chưa quan tâm đến việc lồng ghép GD phòng, chống BLHĐ vào bài học. Bên cạnh đó, việc triển khai kế hoạch hoạt động GD phòng, chống BLHĐ còn chưa chủ động, các chương trình, kế hoạch tổ chức GD đạo đức, kĩ năng sống cho các em chưa cụ thể mà chủ yếu tập trung vào học tập nội quy nhà trường, nhắc nhở về BLHĐ, vì thế kết quả chưa cao. Phương pháp đánh giá kết quả hoạt động GD phòng, chống BLHĐ chưa đa dạng. Sự phối kết hợp giữa gia đình - nhà trường - xã hội thực hiện chưa tốt. CBQL chưa khuyến khích được mọi lực lượng cùng tham gia GD phòng, chống BLHĐ cho HS. Kết quả này đòi hỏi CBQL, GV cần phải chú trọng thực hiện đầy đủ các nội dung GD phòng, chống BLHĐ, đa dạng hóa hình thức tổ chức, đổi mới phương pháp, trong đó chú trọng các phương pháp thực hành, trải nghiệm nhằm giúp HS có thể vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã được học vào thực tế cuộc sống có hiệu quả; mặt khác, cần khuyến khích các lực lượng trong và ngoài nhà trường, các tổ chức chính trị - xã hội cùng tham gia hoạt động GD phòng, chống BLHĐ cho HS.

**Tài liệu tham khảo**

Bộ GD-ĐT (2017a). *Quyết định số 5886/QĐ-BGD-ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD-ĐT ban hành Chương trình hành động phòng, chống bạo lực học đường.*

Bộ GD-ĐT (2017b). *Thông tư số 31/2017/TT-BGD-ĐT ngày 18/12/2017 về việc hướng dẫn thực hiện công tác tâm lí cho học sinh trong trường phổ thông*.

Bộ GD-ĐT (2019). *Chỉ thị số 993/CT-BGD-ĐT ngày 12/4/2019 của Bộ GD-ĐT về việc tăng cường giải pháp phòng, chống bạo lực học đường trong cơ sở giáo dục.*

Bùi Thị Hồng 2016. Bạo lực học đường ở Việt Nam hiện nay: Thông tin qua các trang báo điện tử. *Tạp chí Thông tin khoa học xã hội, 5*, 34-41.

Chính phủ (2017). *Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.*

Đặng Hoàng Minh, Trần Thành Nam (2011). Hành vi bạo lực ở thanh thiếu niên - Con đường hình thành và cách tiếp cận đánh giá. *Tạp chí Tâm lí học, 12,* 22-26.

Nguyễn Thanh Huyền (2019). Giáo dục phòng, chống bắt nạt học đường cho học sinh các trường trung học cơ sở. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt kì 2 tháng 5,* 115-120.

Nguyễn Thị Mai Hương, Nguyễn Thu Hà (2019). Một số nghiên cứu về mối quan hệ giữa các yếu tố môi trường xã hội với bạo lực học đường. *Tạp chí Giáo dục, 448,* 26-31.

Trần Thị Minh Đức (2010). *Hành vi gây hấn phân tích từ góc độ tâm lí học xã hội.* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

World Health Organization (2002). *World Report on Violence and Health.* Geneva: WHO.